TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 93/2023/DS-PT Ngày 28/02/2023 V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp *"Quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 418/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị D, sinh năm 1933;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Võ Văn V, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền số 000266, quyển số 01/-SCT/CK, ĐC ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Văn phòng công chứng P, Tiền Giang)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D: Luật sư Trần Chí H, Văn phòng luật sư Cao Minh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Võ Thị C, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Võ Hữu T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: 84/3/1, đường T, khu phố B, phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang

(Theo văn bản ủy quyền số 4865, quyển số 10/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Phòng công chứng S Tiền Giang)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Võ Văn V, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

2. Trần Thị Minh Tr, sinh năm 1971(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. Võ Văn P, sinh năm 1992(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

4. Võ Thị Anh T_1, sinh năm 2002 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

5. Trần Văn Ch, sinh năm 1963(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

6. Trần Văn T_2, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

7. Trần Văn T_3, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

8. Nguyễn Thị Hồng T_4, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

9. Trần Duy K, sinh năm 2002 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Văn V trình bày:*

Thửa đất số 883, tờ bản đồ số BX-C2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00264/A1.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 18 tháng 8 năm 1998 cho hộ bà D đứng tên với diện tích là 2.889m^2.

Qua đo đạc thực tế chỉ còn 2.427,7m^2. Thửa 883 giáp ranh với thửa 881 của bà C. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên được xác định là hàng rào do bà C xây. Phía sau tại vị trí hướng Nam thì có 01 trụ bê tông do gia đình bà D cắm hiện vẫn còn, phía Bắc giáp đường Huyện 99 thì không có cắm cọc.

Đất thửa 881 của bà C là đất lúa có nguồn gốc của gia đình bà D chuyển nhượng lại, lúc chuyển nhượng là đất lúa. Sau đó gia đình bà C lên nền xây nhà lấn

qua đất của gia đình anh ngang 1,12m, dài 42,25 như sơ đồ đo đạc; tổng diện tích lấn chiếm là 23,6m^2.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã G giải quyết như sau:

- Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà D phần đất lấn chiếm diện tích 23,6m^2 theo sơ đồ đo đạc. Thuộc thửa số 883, tờ bản đồ số BX-C2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00264/A1.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 18 tháng 8 năm 1998 cho hộ bà D đứng tên. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, xã B, thị xã G.

- Buộc bà C di dời cây trồng ra khỏi đất. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Võ Hữu T trình bày:*

Quyền sử dụng đất thửa 881 là của bà C sang nhượng từ bà hộ bà D, diện tích là 1.250m^2 nhưng không rõ giá bao nhiêu tiền vì sang nhượng từ những năm 1980, đất sang nhượng là đất lúa và bà C lên nền xây nhà. Ngày 17 tháng 10 năm 1997, bà C được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00037/A5.QSDĐ với diện tích 1.203m^2, đất ONT+CLN.

Cách nay 15 năm thì bà C có mua thêm một phần đất lúa diện tích 187m^2 của ông N tại vị trí giáp đất ông U nhưng vì mua diện tích quá nhỏ nên không làm thủ tục sang tên được, việc này ông N thừa nhận và có lời khai. Đất của ông Trần Văn U có nguồn gốc là chuyển nhượng từ ông N.

Ranh giới quyền sử dụng đất thửa 881 và 883 được xác định lúc chuyển nhượng là bờ của con rạch vì đất lúc đó là đất lúa nằm thấp hơn đất nền của bà D. Bà C lên nền trồng 05 cây dừa và 01 cây cau trên đất tranh chấp từ mấy chục năm nay, trồng thẳng hàng với trụ bê tông gia đình bà D cắm và suốt thời gian dài như vậy không ai phản đối.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà D, bà C không đồng ý với các căn cứ sau:

- Không lấn chiếm đất;

- Ranh đất hai thửa ổn định có trụ bê tông và hàng dừa 05 cây làm chuẩn;

- Đất bà C sang nhượng từ bà D là 1.250m^2 nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D được cấp thì ghi chỉ có 1.203m^2 nên bà C chỉ được cấp theo diện tích từ bà D qua và thời điểm những năm 1980 thì cũng không có đo đạc nên chênh lệch số liệu thực tế là đúng;

- Đất bà C đo đạc thực tế tăng so với số liệu được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì trong đó có 187m^2 sang nhượng từ ông N;

- Tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã B, ông V thừa nhận ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên có cắm ranh rõ ràng và cán bộ địa chính xã xác định trụ sắt ở đầu đường và trụ xi măng ở đầu trong là do ông V cắm.

** Anh Trần Văn T_3, Trần Văn T_2, Trần Văn Ch, Nguyễn Thị Hồng T_4, Trần Duy K là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ bà Võ Thị C trình bày*: Mọi việc để anh T quyết định.

** Chị Trần Thị Minh Tr, anh Võ Văn P, chị Võ Thị Anh T_1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ bà Nguyễn Thị D trình bày*: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Toà án nhân dân thị xã G, đã áp dụng các Điều 5, 26, 35, 92, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 4, 9, 10, 11, 49, 50 Luật đất đai năm 2003; khoản 24 Điều 3, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị D về việc:

- Buộc bà Võ Thị C trả cho bà Nguyễn Thị D phần đất lấn chiếm diện tích: 23,6m^2 đất thuộc thửa số 883, tờ bản đồ số BX-C2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00264/A1.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18 tháng 8 năm 1998 cho hộ bà D đứng tên. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Vị trí:

+ Đông giáp đất bà Võ Thị C số đo 42,25m.

+ Tây giáp đất còn lại thửa 883 của bà Nguyễn Thị D số đo 442,20m;

+ Nam giáp là một điểm.

+ Bắc giáp đường Huyện 99 số đo 1,12m.

- Buộc bà Võ Thị C di dời 05 cây dừa loại B1 và 01 cây cau loại 2 ra khỏi thửa số 883, tờ bản đồ số BX-C2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00264/A1.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18 tháng 8 năm 1998 cho hộ bà Nguyễn Thị D đứng tên. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 20/9/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 167/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Toà án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện của nguyên đơn là ông Võ Văn V thay đổi yêu cầu kháng cáo là yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng vì không đưa ông Trần Văn N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng:

Về thủ tục kháng cáo: Ngày 20/9/2022, bà D có đơn kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Quyền sử dụng đất" là phù hợp, thuộc phạm vi xem xét của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Minh Tr, Võ Văn P, Võ Thị Anh T_1, Trần Văn Ch, Trần Văn T_2, Trần Văn T_3, Nguyễn Thị Hồng T_4, Trần Duy K có đơn đề nghị vắng mặt, không tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Quá trình biến động, sử dụng đất của bà D và bà C

- Hộ bà Võ Thị C được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00037A5QSDĐ ngày 17/10/1997 gồm: Thửa 1161A – tờ bản đồ BX_C2 – diện tích 1450m^2 đất lúa và thửa 881– tờ bản đồ BX_C2 – diện tích 1203m^2 đất ĐM+T; địa chỉ hai thửa đất: xã B, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Tiền Giang (bl: 30, 31).

- Hộ bà Nguyễn Thị D được Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00264/A1.QSDĐ ngày 18/8/1998 gồm: Thửa 883 – tờ bản đồ BX_C2 – diện tích 2889m^2 đất lúa; thửa 910 – tờ bản đồ BX_C2 – diện tích 289m^2 đất lúa; thửa 1048 – tờ bản đồ BX_C2 – diện tích 1477m^2 đất ĐM+T; địa chỉ ba thửa đất: xã B, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Tiền Giang (bl 10).

Trong đó có thửa 881– tờ bản đồ BX_C2 – diện tích 1203m^2 đất ĐM+T (của hộ bà C) và Thửa 883 – tờ bản đồ BX_C2 – diện tích 2889m^2 đất lúa (của hộ bà D) giáp ranh nhau phát sinh tranh chấp: phần ranh đất phía tây thửa 881 (hộ bà C) và phần ranh đất phía đông thửa 883 (hộ bà D).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất thửa 881 được cấp cho hộ bà C vào năm 1997, theo bản đồ địa chính hiện nay là thửa 878. Qua đo đạc thực tế diện tích đất biến động như sau (bl 72):

- Thửa 883 có diện tích 2427,7m^2 (chưa bao gồm phần đất ranh đang tranh chấp), so với diện tích đất 2889m^2 cấp vào năm 1998 là **giảm** 461,3m^2.

- Thửa 881 (nay là thửa 878) có diện tích 1309,7m^2 (chưa bao gồm phần đất ranh đang tranh chấp), so với diện tích đất 1203m^2 cấp vào năm 1997 là **tăng** 106,7m^2.

- Phần đất ranh tranh chấp giữa 2 thửa 881 và 883 có **diện tích 23,6m^2**, vị trí các cạnh: đông giáp đất bà Võ Thị C số đo 42,25m; tây giáp đất còn lại thửa 883 của bà Nguyễn Thị D số đo 42,20m; nam tiếp giáp là một điểm; bắc giáp đường Huyện 99 số đo 1,12m.

Bà D yêu cầu bà C trả phần đất lấn chiếm là 23,6m^2 và phải di dời cây trồng ra khỏi đất.

[3] Nguyên nhân tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của bà D:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V trình bày thửa 883 giảm là do bà C lấn đất, anh T trình bày thửa 881 (thửa 878) tăng là do bà C có mua thêm 30 hộc đất tương đương 187m^2 đất của ông Trần Văn N nằm về cạnh đông của thửa 881 tiếp giáp đất của ông Trần Văn U, anh T xác định là không có lấn phần diện tích đất **23,6m^2**. Xét thấy:

Nguồn gốc phần đất thửa 881 là do bà C chuyển nhượng lại của gia đình bà D vào khoảng năm 1980, gia đình bà D giao đất thửa 881 cho bà C canh tác ngay khi chuyển nhượng, cho đến năm 1997 bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 881 với diện tích 1203m^2. Khi nhận đất chuyển nhượng từ gia đình bà D thì toàn bộ là đất lúa, sau đó bà C lên đất nền toàn bộ luôn cả phần đất 23,6m^2, thời gian bà C lên đất nền cách nay khoảng 20 năm. Từ khi nhận đất chuyển nhượng, đến khi được cấp giấy và lên đất nền thì hai bên không có ai có ý kiến về tranh chấp ranh. Anh T khai, ranh đất giáp hai thửa có các lần xác định ranh như sau: Khi nhận đất lúc mua vào năm 1980, ông Ng (con thứ 5 của bà D) đắp 1 bờ đi và đào 1 mương đất làm ranh; sau đó cách khoảng 5-6 năm khi đã lên đất nền thì ông Ng cắm cọc sắt đầu cạnh hướng nam giáp đất thửa 883 của bà D, từ cọc sắt đến đầu đường huyện 99 là hàng rào do bà C làm để xác định ranh giữa hai thửa nay là phần ranh tranh chấp.

Nhận thấy, anh V và anh T cùng thống nhất là từ khi anh Ng cắm cọc sắt và hàng rào làm ranh như trên là ổn định đến nay không thay đổi, trên phần đất ranh này bà C trồng 01 cây cau, 05 cây dừa (01 cây đã chết); lời khai này là phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2022. Anh V khai nại, việc anh Ng cắm cọc là tự ý, không có sự thống nhất của anh V nên làm mất diện tích 23,6m^2 đất. Xét thấy, khi bà C lên đất nền thửa 881 cả phần đất ranh tranh chấp là 23,6m^2 đất thì phía gia đình bà D không ai có ý kiến phản đối, việc ông Ngàn cắm cọc sắt làm ranh và bà C trồng cây trên phần đất 23,6m^2 thì gia đình bà D cũng không ai có ý kiến phản đối, như vậy bà D đã mặc nhiên thừa nhận ranh đất như trên, do đó xác định phần ranh nằm về cạnh tây thửa 881 liền kề cạnh đông thửa 883 là ổn định nên không có việc bà C lấn chiếm đất 23,6m^2; Việc ông V phản đối cho rằng ông Ngàn (anh ruột ông V) tự ý cắm ranh không có sự đồng ý của ông V là không

hợp lý bởi lẽ: Việc cắm cọc xác định ranh đất với bà C là việc làm công khai, đã xảy ra qua khoảng thời gian khá dài, cho đến hiện tại thì hiện trạng xác định ranh vẫn còn, bà D và bà C đã sử dụng làm ranh phân định đất hai bên.

Mặc khác, cạnh hướng nam của thửa 883 có số đo 59,54m tiếp giáp với phần đất khác của bà D, sơ đồ phần đất thể hiện phần đường ranh đất là do bà D xác định. Tại phiên tòa, ông V trình bày thửa 883 có phần đất hướng bắc tiếp giáp đường huyện 99 là lên nền, còn lại lại đất lúa liền với đất bà D. Xét thấy, đường ranh đất cạnh hướng nam thửa 883 của bà D lại tiếp giáp với phần đất khác của bà D không có phân ranh rõ ràng, từ đó việc xác định diện tích đất thửa 883 là không chính xác. Đồng thời, bà D và bà C được công nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất từ năm 1997 – 1998, sử dụng cho đến nay ổn định, ranh đất đã xác định cụ thể cho đến nay không thay đổi, nên không có căn cứ để xác định bà C có hành vi lấn chiếm 23,6m^2 như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Đơn kháng cáo ngày 20/9/2022 (bl 129) và đơn kháng cáo bổ sung ngày 10/11/2022 bà D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà D là ông V thay đổi yêu cầu kháng cáo là không yêu cầu sửa án sơ thẩm mà yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm do không đưa ông Trần Văn N tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xét thấy việc thay đổi yêu cầu kháng cáo này là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không được Hội đồng xét xử xem xét (khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng dân sự). Tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, bản án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật nên không có cơ sở sửa án hay hủy án sơ thẩm.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bà D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 92, 147, 157, 158, 165, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 4, 9, 10, 11, 49, 50 Luật đất đai năm 2003; Căn cứ khoản 24 Điều 3, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị D về việc:

- Buộc bà Võ Thị C trả cho bà Nguyễn Thị D phần đất lấn chiếm diện tích: 23,6m^2 đất thuộc thửa số 883, tờ bản đồ số BX-C2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00264/A1.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18 tháng 8 năm 1998 cho hộ bà D đứng tên. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Vị trí:

+ Đông giáp đất bà Võ Thị C số đo 42,25m.

+ Tây giáp đất còn lại thửa 883 của bà Nguyễn Thị D số đo 442,20m.

+ Nam giáp là một điểm.

+ Bắc giáp đường Huyện 99 số đo 1,12m.

- Buộc bà Võ Thị C di dời 05 cây dừa loại B1 và 01 cây cau loại 2 ra khỏi thửa số 883, tờ bản đồ số BX-C2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00264/A1.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18 tháng 8 năm 1998 cho hộ bà Nguyễn Thị D đứng tên. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm: không có.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị D chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 6.134.598 đồng (*Sáu triệu một trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi tám đồng*) chi phí đo đạc và được trừ vào tạm ứng. Như vậy, bà Nguyễn Thị D đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ 45 phút, ngày 28/02/2023 (có mặt: Ông V, Anh T, Luật sư H; các đương sự còn lại vắng mặt).

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- THADS thị xã G;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt